

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN THỚI BÌNH, TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2021/HNGĐ-ST

Ngày 18-01-2021

“V/v tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI BÌNH, TỈNH CÀ MAU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Tiêu Hồng Phương

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Trương Công Định

Ông Lý Quốc Cường

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Chúc Ni là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

Ngày 18 tháng 01 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thới Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 455/2020/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 10 năm 2020 về việc tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 60/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 12 năm 2020, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Chị Trần Kim N, sinh năm 1990;

Địa chỉ: Ấp 1, xã K, huyện U, tỉnh Cà Mau. (có mặt)

**- Bị đơn:** Anh Nguyễn Văn Kh, sinh năm 1990;

Địa chỉ: Ấp 1, xã T, huyện T, tỉnh Cà Mau. (vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Tại đơn khởi kiện ngày 21/8/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trần Kim N trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn Kh cưới nhau năm 2016 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Cà Mau. Trong thời gian chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm dẫn đến cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, chị và anh Kh ly thân từ tháng 12/2019 đến nay. Chị N xác định không thể tiếp tục chung sống với anh Kh được nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Kh.

Về con chung: Trong thời gian chung sống chị và anh Kh có 01 người con tên Nguyễn Anh Th sinh ngày 02/4/2018, hiện chị đang nuôi dưỡng. Khi ly hôn chị N yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Th, không yêu cầu anh Kh cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung: Chị N xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ: Chị N xác định trong thời gian chung sống vợ chồng không có nợ ai và cũng không ai nợ lại vợ chồng, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án trực tiếp tổng đạt thông báo thụ lý vụ án cho anh Nguyễn Văn Kh, hai lần thông báo hòa giải và hai lần triệu tập xét xử nhưng anh Kh không có ý kiến phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của chị N, không tham gia hòa giải và xét xử.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng: Anh Nguyễn Văn Kh đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh Kh.

[2] Về hôn nhân: Chị N với anh Kh tự nguyện chung sống với nhau năm 2016, có đăng ký kết hôn. Tại Điều 8 và Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, thì mối quan hệ hôn nhân giữa chị Trần Kim N với anh Nguyễn Văn Kh được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Về nguyên nhân mâu thuẫn: Theo chị N xác định trong thời gian chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc và anh chị đã ly thân từ tháng 12/2019. Tại phiên tòa chị N xác định không còn tình cảm với anh Kh và không thể tiếp tục chung sống với anh Kh được nữa nên vẫn giữ yêu cầu được ly hôn với anh Kh; đối với anh Nguyễn Văn Kh, mặc dù đã biết được nội dung khởi kiện xin ly hôn của chị N nhưng anh Kh không có ý kiến gì đối với yêu cầu của chị N, điều này cho thấy anh Kh đã không mong muốn hàn gắn mối quan hệ hôn nhân này nữa. Từ đó cho thấy hôn nhân của chị N với anh Kh đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu của chị N cho chị N được ly hôn với anh Kh là phù hợp.

[3] Về con chung: Trong thời gian chung sống vợ chồng có 01 người con tên Nguyễn Anh Th sinh ngày 02/4/2018, đang sống cùng với chị N. Khi ly hôn chị N yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Th; đối với anh Kh không có ý kiến về việc nuôi con chung. Hội đồng xét xử xét thấy từ khi anh Kh và chị N ly thân cho đến nay cháu Th do chị N trực tiếp nuôi dưỡng và cháu Th vẫn phát triển bình thường. Do đó, căn cứ vào khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 giao cháu Th cho chị N được tiếp tục nuôi dưỡng là có căn cứ; đối với việc cấp dưỡng cho con chị N không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị N xác định vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ ai và không ai nợ lại vợ chồng và không yêu cầu Tòa án giải quyết; đối với anh Kh không có ý kiến gì về tài sản chung, nợ chung, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm chị Trần Kim N phải chịu 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56; khoản 3 Điều 81 và Điều 82 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Kim N. Cho chị Trần Kim N được ly hôn với anh Nguyễn Văn Kh.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Anh Th sinh ngày 02/4/2018 cho chị N được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; việc cấp dưỡng cho con không đặt ra. Anh Kh có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Trần Kim N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0011262 ngày 28/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thới Bình; chị N đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Chị N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; anh Kh có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND huyện T;
- CCTHADS huyện T;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- UBND xã T, huyện T;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

**Tiêu Hồng Phụng**